VĂN BẢN MÃ HÓA ĐỂ CÔNG BỐ THEO NQ 03/2017/NQ-HĐTP

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HƯNG YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 27/2026/HNGĐ-PT
Ngày 12 tháng 8 năm 2026
"V/v Tranh chấp Hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Trung Thực**.

Các Thẩm phán: Ông **Hoàng Tuấn Trọng** và bà **Nguyễn Thị Hương**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Tạ Trung Anh** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện VKSND tỉnh Hưng Yên tham gia phiên toà: Bà **Trần Phương Chi** - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2026 tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 29/2026/TLPT-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2026 về việc: *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình"*.

Do bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 62/2026/HNGĐ-ST ngày 29/4/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Hưng Yên bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 175/2026/QĐPT-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Đỗ Khắc B**, sinh năm 1966 *(Có mặt)*.
Số CCCD: 034066xxxxxx.
Địa chỉ: Thôn Đ, xã Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên (nay là thôn S, xã Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên).

2. Bị đơn: Bà **Vũ Thị T**, sinh năm 1972 *(Có mặt)*.
Số CCCD: 034172xxxxxx.
Địa chỉ: Thôn Đ, xã Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên (nay là thôn S, xã Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên).

3. Người kháng cáo: Bà **Vũ Thị T**.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn là ông Đỗ Khắc B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Vũ Thị T tự nguyện tìm hiểu, kết hôn với nhau vào ngày 25/6/1990 tại UBND xã Thái Thượng, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình (nay là xã Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên). Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp, luôn bất đồng quan điểm. Ông và bà T đã ly thân từ năm 2023. Nay ông xác định mâu thuẫn giữa ông và bà T đã trầm trọng nên đề nghị Toà án giải quyết cho vợ chồng ông ly hôn.

Bị đơn bà Vũ Thị T trình bày:

Bà và ông Đỗ Khắc B tự nguyện tìm hiểu, kết hôn với nhau vào ngày 25/6/1990 tại UBND xã Thái Thượng, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình (nay là xã Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên). Trong cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, nguyên nhân do ông B không quan tâm đến bà và gia đình, con cái đều do bà chăm sóc, lo lắng công việc cho các con. Khi ông B còn công tác bà đều vun vén cho ông nhưng công sức của bà bỏ ra ông B không ghi nhận. Vợ chồng ông bà đã ly thân từ năm 2023. Từ tháng 7/2025, ông B nghỉ hưu đã chuyển đi nơi khác ở. Nay ông B xin ly hôn, bà không đồng ý vì bà muốn giữ gia đình cho các con.

Về con chung: Ông bà trình bày thống nhất vợ chồng có 02 con chung là chị Đỗ Thị N, sinh ngày 09/9/1991 và chị Đỗ Thị N1, sinh ngày 28/5/1995. Hiện các con chung đều đã trên 18 tuổi, trưởng thành tự lập nên ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với tài sản và công nợ chung vợ chồng: Ông bà cũng không yêu cầu giải quyết.

Kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên thể hiện: Ông Đỗ Khắc B và bà Vũ Thị T kết hôn với nhau vào ngày 25/6/1990 tại UBND xã Thái Thượng, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, nay là xã Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên. Về mâu thuẫn vợ chồng và nguyên nhân phát sinh thì UBND xã không nắm được, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Ông B và bà T có 02 con chung là Đỗ Thị N, sinh ngày 09/9/1991 và Đỗ Thị N1, sinh ngày 28/5/1995, hiện đã trên 18 tuổi trưởng thành tự lập.

Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 62/2026/HNGĐ-ST ngày 29/4/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Hưng Yên quyết định:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 35, khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án:

- Về hôn nhân: Xử cho ông Đỗ Khắc B ly hôn bà Vũ Thị T.

- Về con chung: Không đặt ra giải quyết.

- Về phân chia tài sản chung, nợ chung: Do đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bà Vũ Thị T kháng cáo với nội dung: Bà không đồng ý ly hôn với ông B.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- *Ông Đỗ Khắc B:* Ông không đồng ý với các nội dung kháng cáo của bà T, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- *Bà Vũ Thị T trình bày:* Đề nghị chấp nhận kháng cáo của bà, bà không đồng ý ly hôn với ông B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- *Về tố tụng:* Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung:* Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà Vũ Thị T, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 62/2026/HNGĐ-ST ngày 29/4/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Hưng Yên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, cũng như thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Kháng cáo của bà Vũ Thị T gửi đến Tòa án trong thời hạn luật định, đương sự đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên kháng cáo là hợp lệ, được thụ lý giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Về nội dung: Xét kháng cáo của bà Vũ Thị T thì thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Đỗ Khắc B và bà Vũ Thị T tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thái Thượng, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình (nay là Ủy ban nhân dân xã Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên) là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống do tính tình không hợp, không còn tin tưởng nhau nên phát sinh mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng tuy sống chung nhà nhưng ly thân từ năm 2023, đến tháng 7/2025 thì ông B chuyển ra ở riêng không cùng chung sống với bà T. Hiện nay tình trạng vợ chồng giữa ông B và bà T mỗi người sống một nơi, không quan tâm, chia sẻ, không có bổn phận trách nhiệm với nhau. Bà T không đồng ý ly hôn, có ý kiến đề nghị chấp nhận cuộc sống ly thân lâu dài với ông B với lý do muốn giữ gìn gia đình cho các con nên không đồng ý ly hôn với ông B. Tuy nhiên, hiện nay các con chung của ông B, bà T đều đã trưởng thành, có cuộc sống riêng, không còn phụ thuộc vào bố mẹ. Bản thân bà T cũng xác định bà và ông B không còn tình cảm và không có phương án hoà giải đoàn tụ với nhau. Vì vậy xác định mâu thuẫn giữa ông B và bà T đã thực sự trầm trọng, hai bên hiện không có cuộc sống chung, không còn tình cảm, không có bổn phận trách nhiệm với nhau. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho ông B ly hôn với bà T là có căn cứ, đúng quy định theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Đối với con chung và tài sản chung vợ chồng: Cả ông B và bà T đều không yêu cầu giải quyết nên cấp sơ thẩm không xem xét là phù hợp.

[2.3]. Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Vũ Thị T, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3]. Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Vũ Thị T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án:

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà **Vũ Thị T**. Giữ nguyên Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 62/2026/HNGĐ-ST ngày 29/4/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Hưng Yên.

2. Về án phí phúc thẩm: Bà **Vũ Thị T** phải chịu **300.000 đồng** án phí dân sự phúc thẩm. Đối trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 2369 ngày 07/5/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên. Bà T đã nộp đủ án phí.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 12/8/2026).

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- THADS tỉnh Hưng Yên;
- TAND khu vực 7 - Hưng Yên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Trung Thực